TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST Ngày 24-10-2018 V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh;
2. Ông Trần Minh Kha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2018/ TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về "tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Ngọc G**, sinh năm: 1989. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L 1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng H**, sinh năm: 1983. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L 1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-6-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Ngọc G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng H kết hôn vào năm 2014 và đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã Long Chữ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị không có sống riêng mà sống chung nhà với cha mẹ chồng. Quá trình chung sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với gia đình chồng, từ đó chị và anh H cũng phát sinh mâu thuẫn. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh H đi làm về đưa tiền cho chị giữ và chi tiêu trong gia đình, nhưng sau một lần chị không đưa tiền cho mẹ chồng mượn thì anh H không đưa tiền cho chị như trước đây. Anh H không đưa tiền chi tiêu cho chị thời gian kéo dài khoảng 5 đến 6 tháng, chị không đủ tiền chi tiêu cho con nên đã dẫn con về nhà

cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 4 năm 2018. Vợ chồng ly thân từ tháng 4 năm 2018 đến nay. Vợ chồng chung sống nhưng anh H không quan tâm chăm lo cho vợ con, không tin tưởng chị, không đưa tiền chi tiêu cho chị. Xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh H .

- Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25-8-2015 hiện tại cháu N đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Chị và anh H có số tiền là 200.000.000 đồng, số tiền này chị đang giữ. Khi ly hôn chị và anh H tự thỏa thuận, mỗi người được hưởng một nửa. Chị không yêu cầu giải quyết và tài sản chung.

- Về nợ chung: chị cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn, anh H đã trình bày:

Về hôn nhân: Chị G trình bày về cơ sở hôn nhân như trên là đúng. Tuy nhiên, anh không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn như lời chị G đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không có gì trầm trọng, là do chị chị G tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Anh xác nhận việc anh không đưa tiền chi tiêu cho chị G là có, nhưng do chị G chi tiêu vào các khoản gì không nói cho anh biết, nên anh không tiếp tục đưa tiền cho chị G . Việc anh không đưa tiền cho chị G không có nghĩa là anh không quan tâm vợ con. Sau khi sự việc xảy ra, anh đã đến gia đình chị G để năn nỉ, khuyên can chị G , mong được hàn gắn để đoàn tụ gia đình, nhưng chị G cương quyết không trở về. Anh và chị G ly thân từ tháng 4-2018 đến nay. Anh còn tình cảm, yêu thương chị G nên không đồng ý ly hôn với chị G . Tuy nhiên, qua thời gian dài cố gắng hàn gắn nhưng không thành, tại phiên tòa hôm nay, anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: anh và chị G có một con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25-8-2015 hiện tại cháu N đang sống với chị G. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị G . Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng N cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị G và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Ngọc G phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị G có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H , anh H có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị G và anh H kết hôn vào năm 2014 và đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã L 1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị G và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, chị G và anh H không tin tưởng nhau trong việc chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn giữa chị G và anh H ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn và không có biện pháp khắc phục. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị G và anh H có một con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25-8-2015. Xét thấy, từ ngày ly thân anh H có đến thăm con nhưng không phụ giúp tiền bạc, vật chất để chị G nuôi con nhưng chị G vẫn nuôi dưỡng con tốt. Mặt khác, hiện tại cháu N chỉ hơn 37 tháng tuổi và là bé gái, đã sống với chị G một thời gian dài, nên việc chị G nuôi dưỡng cháu Ngọc sẽ đảm bảo về điều kiện vật chất, tinh thần, sự phát triển về tâm lý, nên giao cháu N cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Ngọc G phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Ngọc G đối với anh Nguyễn Hồng H. Chị G được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh ngày 25-8-2015 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Ngọc G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021510 ngày 22-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Hồng H không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: chị Đỗ Ngọc G, anh Nguyễn Hồng H có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Chữ (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoài Tâm